

Bản tin Phân tích kỹ thuật

13/02/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G3000 đóng cửa vi phạm đường MA20 cho thấy đà giảm lẩn át về cuối ngày. Tuy nhiên, đường MA50 (khu vực 2.015 điểm) vẫn được duy trì. (M15)
- Đà giảm sẽ suy yếu nếu 4111G3000 hình thành nến đóng cửa vượt ngưỡng 2.021 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua khi tín hiệu vượt xuất hiện với mục tiêu là vùng 2.031 điểm và dừng lỗ khi có giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.016 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 2.021 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.031 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.016 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính

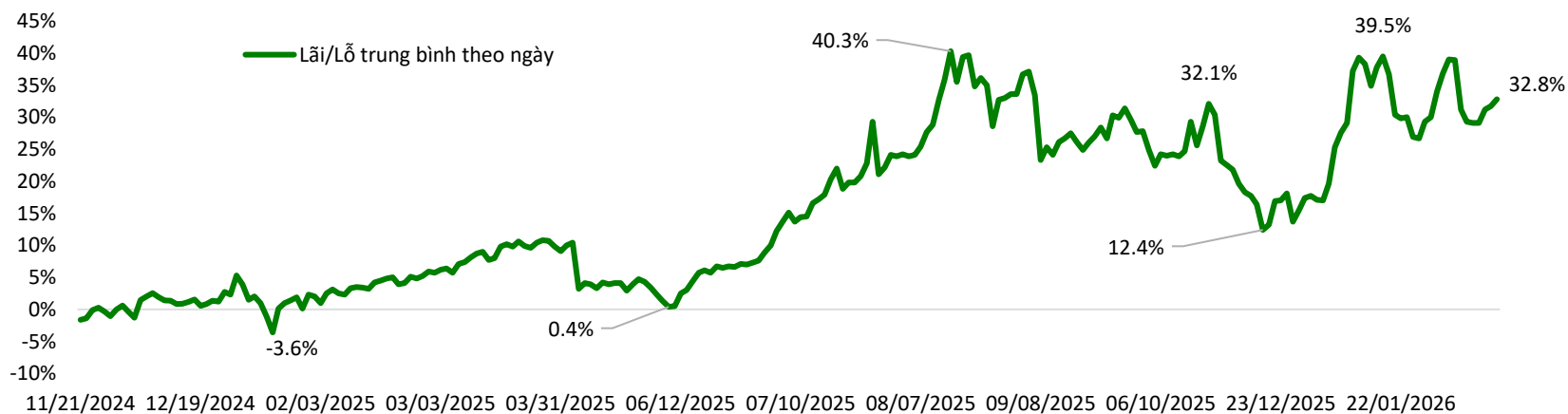


Nguồn: Vietcap

- Đà giảm đầu ngày trên VN-Index thu hẹp hoàn toàn sau khi tiếp cận hỗ trợ quanh 1.790 điểm cho thấy quán tính tăng ổn định. Chỉ số VN30 diễn biến đồng thuận và cả hai chỉ số có tín hiệu trung hạn nâng lên mức Tích cực. Phân khúc vốn hóa vừa xuất hiện hoạt động tăng giá mạnh trên diện rộng đã giúp tín hiệu ngắn hạn trên chỉ số VNMidcap nâng lên Tích cực.
- Tại khu vực giá thấp 1.790 điểm, xuất hiện sự gia tăng của lực cầu trên phần lớn nhóm ngành, điển hình là Ngân hàng, Chứng khoán, Tiêu dùng, Bán lẻ. Về tín hiệu kỹ thuật, tại phiên 13/02, quán tính hồi phụ/tăng giá được gia cố trên 60%-80% cổ phiếu thuộc tất cả các nhóm ngành, ngoại trừ CNTT.
- VN-Index thu hẹp đà giảm tại hỗ trợ 1.790 điểm cho thấy quán tính tăng ổn định. Dựa trên tín hiệu tạo đáy ở phiên 11/02 và tín hiệu phiên 13/02, chúng tôi cho rằng chỉ số hoàn toàn có khả năng kiểm định lại vùng đỉnh cũ (khu vực 1.920 điểm) trong thời gian tới. Ngưỡng 1.790 điểm đóng vai trò là ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng đối với các vị thế ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	28,300	26,700	6.0%	25,500	29,500	28,000	
STB	29/01/2026		Đang mở	62,600	62,600	0.0%	58,400	70,000		
MWG	12/02/2026		Đang mở	92,800	91,100	1.9%	87,000	104,000		
HDB	12/02/2026		Đang mở	28,200	27,650	2.0%	26,500	31,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	160,000	0.63%	22.14%	1,232,965	1.734	1,739	8.3	92.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCX	58,200	3.93%	6.01%	134,518	1.182	2,713	3.1	21.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTG	38,600	1.58%	3.21%	299,804	1.059	4,454	1.7	8.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	176,500	6.97%	6.97%	64,599	1.007	8,873	8.1	19.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	46,900	-1.37%	-8.75%	329,302	-1.007	4,279	2.0	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	36,400	2.97%	-6.67%	145,600	0.967	1,406	2.6	25.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	96,300	-2.53%	-1.33%	164,048	-0.928	5,511	4.5	17.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BSR	24,500	2.51%	-0.20%	122,679	0.689	1,036	2.0	23.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
STB	62,600	2.45%	1.79%	118,015	0.648	3,150	2.0	19.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	37,600	6.97%	9.78%	33,930	0.529	1,635	1.9	23.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	28,200	1.26%	6.42%	141,149	0.397	3,496	1.9	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	64,400	0.31%	-1.08%	538,105	0.375	4,210	2.4	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
EIB	23,100	3.36%	12.14%	43,029	0.323	610	1.7	37.9	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	27,500	1.66%	5.57%	85,566	0.318	2,947	14.2	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	69,500	0.72%	0.58%	145,252	0.235	4,503	4.7	15.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	170,000	-1.45%	0.41%	34,000	-2.625	10,115	6.6	16.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	79,500	-0.63%	-2.09%	71,533	-2.382	17,478	4.1	4.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	47,000	1.29%	-2.69%	17,836	1.229	5,090	2.8	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	44,300	0.91%	-0.23%	22,656	1.100	3,560	1.5	12.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
NVB	12,300	0.82%	3.36%	23,673	1.034	0	1.7	208,884.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,500	1.09%	3.35%	16,640	0.969	1,501	1.3	12.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	86,600	-0.80%	-0.46%	20,285	-0.866	4,695	2.5	18.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,200	-0.61%	3.18%	17,306	-0.566	434	1.6	37.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PTI	31,000	-2.82%	-7.19%	3,738	-0.562	2,418	1.4	12.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
DHT	69,500	1.31%	0.14%	6,295	0.440	592	5.8	117.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

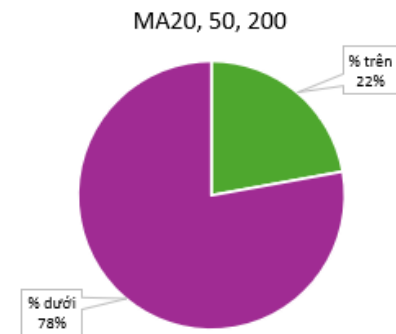
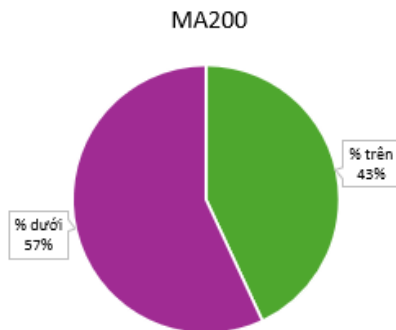
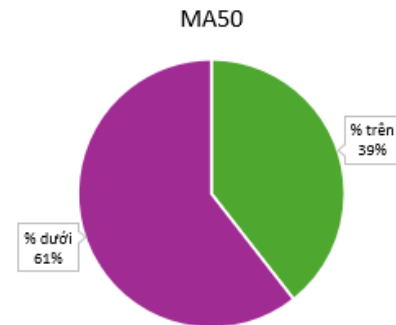
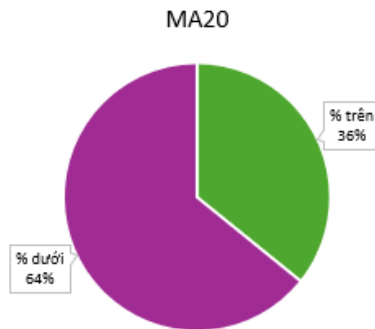
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	105,000	-1.87%	-8.22%	316,179	-8.696	3,063	7.7	33.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	37,300	7.18%	11.01%	40,187	4.248	10	3.3	3,557.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CC1	37,500	6.23%	-6.25%	15,791	1.448	588	3.6	67.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
F88	185,100	3.41%	11.51%	20,133	1.010	6,543	8.2	27.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
IDP	255,000	2.86%	7.14%	15,791	0.666	2,836	4.8	90.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VFC	78,800	-14.90%	-20.96%	2,664	-0.584	627	4.0	125.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACV	53,900	0.19%	2.08%	192,457	0.526	3,026	2.8	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MVN	64,300	-0.46%	1.26%	75,717	-0.517	1,624	5.4	38.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCV	175,500	6.36%	-0.79%	5,279	0.494	3,750	6.8	45.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	16,000	1.91%	-1.84%	16,234	0.456	412	1.6	38.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	58,200	3.9%	148.1	156.4	42,800	56,500	3.1	21.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GMD	75,000	0.7%	101.7	148.1	40,841	74,500	2.4	18.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	34,150	3.0%	187.2	323.6	16,282	34,000	1.1	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	255,000	2.9%	9.1	2.1	168,062	250,000	4.8	90.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	27,250	0.7%	15.9	44.8	15,727	27,050	1.7	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MPC	18,300	2.8%	7.2	2.1	8,964	18,000	1.4	13.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	14,900	3.5%	21.5	14.3	8,340	14,400	1.3	25.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BIG	8,800	10.0%	5.2	2.1	3,774	8,000	1.3	3.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	5,900	-14.5%	8.3	7.3	1,400	8,100	-2.6	-2.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVX	2,500	-13.8%	10.5	2.9	1,500	2,900	6.6	-248.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	255,000	2.9%	9.1	2.1	168,062	250,000	4.8	90.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	176,500	7.0%	168.1	114.9	39,170	245,500	8.1	19.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EVF	12,100	5.2%	122.0	53.6	7,940	16,250	0.9	10.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			13/2/2026	12/02/2026	11/2/2026	10/02/2026	09/02/2026	06/02/2026	05/02/2026	04/02/2026	03/02/2026	02/02/2026	30/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	44%	44%	42%	41%	40%	41%	46%	47%	47%	46%	48%
		Dưới	56%	56%	58%	59%	60%	59%	54%	53%	53%	54%	52%
	MA50	Trên	46%	42%	41%	35%	38%	37%	45%	49%	46%	44%	44%
		Dưới	54%	58%	59%	65%	62%	63%	55%	51%	54%	56%	56%
	MA20	Trên	40%	35%	32%	24%	26%	26%	38%	48%	45%	41%	44%
		Dưới	60%	65%	68%	76%	74%	74%	62%	52%	55%	59%	56%

VN30	MA200	Trên	77%	77%	77%	77%	73%	77%	73%	77%	83%	83%	90%
		Dưới	23%	23%	23%	23%	27%	23%	27%	23%	17%	17%	10%
	MA50	Trên	53%	57%	53%	27%	40%	37%	57%	57%	53%	53%	60%
		Dưới	47%	43%	47%	73%	60%	63%	43%	43%	47%	47%	40%
	MA20	Trên	40%	27%	23%	10%	13%	20%	27%	47%	47%	47%	43%
		Dưới	60%	73%	77%	90%	87%	80%	73%	53%	53%	53%	57%

HNX	MA200	Trên	41%	39%	38%	35%	36%	36%	39%	41%	41%	40%	40%
		Dưới	59%	61%	62%	65%	64%	64%	61%	59%	59%	60%	60%
	MA50	Trên	40%	37%	36%	34%	36%	34%	38%	41%	41%	37%	38%
		Dưới	60%	63%	64%	66%	64%	66%	62%	59%	59%	63%	62%
	MA20	Trên	41%	39%	38%	35%	36%	36%	39%	41%	41%	40%	40%
		Dưới	59%	61%	62%	65%	64%	64%	61%	59%	59%	60%	60%

UPCOM	MA200	Trên	34%	30%	30%	28%	30%	29%	34%	36%	36%	35%	36%
		Dưới	66%	70%	70%	72%	70%	71%	66%	64%	64%	65%	64%
	MA50	Trên	37%	35%	35%	32%	34%	35%	38%	39%	39%	39%	39%
		Dưới	63%	65%	65%	68%	66%	65%	62%	61%	61%	61%	61%
	MA20	Trên	44%	43%	43%	41%	42%	43%	45%	46%	46%	44%	45%
		Dưới	56%	57%	57%	59%	58%	57%	55%	54%	54%	56%	55%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 2										Tháng 1									
		13 ↓	12	11	10	09	06	05	04	03	02	30	29	28	27	26	23	22	21	20	19
1	Bán lẻ	81	79	75	75	78	80	86	87	86	82	75	71	69	65	70	79	82	82	83	84
2	Dầu khí	81	80	80	82	85	85	89	91	92	91	90	90	89	88	87	88	91	90	90	91
3	Hàng cá nhân & Gia ...	65	65	64	62	69	73	80	80	78	72	70	67	64	64	73	78	75	74	83	83
4	Bảo hiểm	62	66	65	65	70	74	79	72	64	58	59	59	60	60	68	75	84	84	83	84
5	Hóa chất	57	57	58	60	64	67	73	73	69	65	65	64	64	66	69	71	71	69	71	71
6	Thực phẩm và đồ uố...	56	55	55	59	62	63	69	71	70	67	65	64	62	61	62	65	66	66	66	65
7	Điện, nước & xăng d...	55	55	55	60	63	63	68	69	70	66	66	66	66	64	66	68	71	73	72	74
8	Tài nguyên Cơ bản	55	53	53	57	59	65	69	69	64	65	64	60	56	53	58	61	60	60	61	61
9	Hàng & Dịch vụ Côn...	55	55	53	55	60	63	66	70	66	60	51	51	53	54	58	66	70	73	72	69
10	Viễn thông	52	53	50	52	60	65	71	73	70	72	73	74	76	73	76	80	84	86	91	92
11	Y tế	51	48	44	43	52	51	52	54	54	62	62	62	74	73	73	72	74	69	74	-
12	Ô tô và phụ tùng	50	50	46	46	46	50	55	53	51	47	43	43	43	41	41	49	48	50	56	57
13	Xây dựng và Vật liệu	48	48	47	51	49	50	54	55	52	50	46	45	46	44	45	45	46	47	52	53
14	Ngân hàng	46	46	41	40	42	46	49	53	52	57	52	52	57	59	63	62	64	65	69	68
15	Công nghệ Thông tin	44	48	47	54	56	55	61	69	69	71	75	75	58	59	62	72	74	75	75	85
16	Du lịch và Giải trí	38	38	33	31	32	35	41	41	42	43	45	44	45	55	58	57	55	56	57	60
17	Dịch vụ tài chính	36	34	32	32	33	39	44	48	44	43	36	35	35	37	42	42	41	44	52	54
18	Bất động sản	34	36	31	28	26	29	31	32	33	33	28	27	28	32	36	38	38	37	34	32

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	160,000	0.6%	22.1%	1,232,965	8.3	92.0	1,739	869.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	28,300	-0.2%	3.5%	227,956	1.7	8.5	3,325	607.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	92,800	-0.1%	5.0%	136,270	4.2	19.4	4,777	510.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TPB	17,500	2.0%	4.2%	48,546	1.2	6.6	2,660	92.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GMD	75,000	0.7%	4.9%	31,987	2.4	18.8	3,986	101.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	60,000	0.5%	5.6%	19,203	3.7	48.9	1,227	71.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	34,150	3.0%	4.0%	18,983	1.1	18.3	1,866	187.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	255,000	2.9%	7.1%	15,791	4.8	90.1	2,836	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	38,250	0.4%	0.5%	11,629	2.9	112.1	341	45.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PC1	26,250	2.5%	6.3%	10,796	1.7	10.3	2,553	166.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSC	24,800	2.1%	11.2%	9,284	1.7	27.1	915	408.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MPC	18,300	2.8%	5.8%	7,064	1.4	13.2	1,330	7.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,600	-0.3%	4.6%	6,601	1.2	9.8	3,218	11.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	52,900	1.5%	3.5%	5,106	2.0	11.2	4,719	10.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
QCG	15,050	2.4%	3.8%	4,141	1.0	23.9	630	22.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AGR	16,400	1.9%	5.1%	3,744	1.5	26.4	621	14.5	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHC	38,000	0.8%	3.3%	3,670	1.7	9.3	4,068	14.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BFC	60,500	0.0%	11.6%	3,459	2.5	11.2	5,421	19.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNG	22,600	1.8%	6.6%	2,909	1.5	7.1	3,163	38.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	42,700	0.7%	2.9%	2,612	3.7	20.3	2,107	18.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	53,900	0.2%	2.1%	192,457	2.8	17.8	3,026	53.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
FPT	96,300	-2.5%	-1.3%	164,048	4.5	17.5	5,511	1,796.7	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NAB	14,050	0.0%	0.4%	24,105	1.0	5.8	2,438	20.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	102,000	0.0%	-7.8%	12,422	7.0	30.7	3,325	50.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	15,500	-0.6%	-0.6%	9,625	0.9	15.3	1,012	44.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAA	7,810	-0.5%	0.5%	3,075	0.6	8.1	966	5.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	26,300	0.2%	-0.8%	2,947	1.2	11.0	2,402	40.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	12,150	-0.4%	0.4%	2,330	1.1	26.2	463	9.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,200	-1.6%	-1.6%	2,152	1.1	8.6	717	5.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	13,600	-0.7%	-0.7%	2,141	0.9	66.2	205	6.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	14,900	-0.7%	0.7%	2,086	1.2	14.0	1,064	9.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	8,790	0.0%	-0.5%	938	1.2	11.0	803	9.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	149,000	0.0%	-2.2%	192,875	10.7	27.0	5,523	10.3	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BCM	63,300	0.8%	-1.7%	65,516	2.9	18.8	3,371	35.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,600	-0.6%	0.5%	33,366	1.6	13.2	4,668	10.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	11,600	0.0%	0.4%	30,891	0.9	7.7	1,513	9.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	17,400	-1.7%	2.4%	17,362	1.4	32.8	531	93.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DBC	26,700	-0.4%	-1.7%	10,276	1.3	6.8	3,915	71.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	38,000	-0.3%	1.3%	9,324	1.7	18.9	2,012	9.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,150	0.0%	-0.1%	8,259	3.5	438.4	87	11.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,340	1.94%	5.46%	13,600	88.9%	581	0.7	12.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
NLG	29,000	-2.36%	7.21%	52,100	75.4%	1,805	1.1	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DGC	68,400	0.88%	4.75%	118,000	74.0%	7,965	1.7	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	28,300	-0.70%	11.42%	48,500	70.2%	943	1.7	30.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STK	15,950	1.92%	1.27%	25,500	62.9%	353	1.3	45.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,650	-2.32%	3.69%	20,000	54.4%	862	0.6	14.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	37,600	6.97%	9.78%	54,000	53.6%	1,635	1.9	23.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,750	0.00%	10.14%	24,000	52.4%	229	1.2	68.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACB	23,850	0.00%	3.70%	33,300	39.6%	3,042	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,750	-0.19%	2.49%	37,000	38.1%	1,907	1.5	14.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPB	28,300	0.18%	5.60%	38,000	34.5%	3,024	1.3	9.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BWE	44,500	1.14%	2.30%	58,700	33.4%	4,510	1.6	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,850	-0.19%	0.19%	35,700	32.7%	2,013	1.6	13.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGC	50,300	4.03%	-5.09%	64,100	32.6%	3,130	2.6	16.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	31,400	0.48%	5.02%	40,800	30.6%	2,024	2.5	15.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MSN	78,000	0.00%	-0.26%	101,200	29.7%	2,710	3.2	28.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	35,450	0.00%	2.46%	44,800	26.4%	3,577	1.5	9.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
REE	61,600	-0.65%	0.49%	78,200	26.1%	4,668	1.6	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	33,850	0.00%	-3.42%	42,400	25.3%	1,917	1.9	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	18,500	0.00%	-1.33%	23,100	24.9%	1,726	1.0	10.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn